

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Đại N.** Sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 87, đường T, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Chị **Lê Thị B.** Sinh năm 1994. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đại N và chị Lê Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Đại N và chị Lê Thị B thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Anh Lê Đại N và chị Lê Thị B có 01 con chung là Lê Thảo Ng, sinh ngày 12/7/2020, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung:* Anh Lê Đại N và chị Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về vay nợ chung*: Anh Lê Đại N và chị Lê Thị B không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí*: Anh Lê Đại N tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số 0000538 ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Lê Đại N được hoàn lại số tiền: 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Lê Thị B không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. B;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS H. B;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lý Thị Thúy